

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2020/HSST

Ngày: 22 - 9 - 2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thí và ông Trương Xuân Mâu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Thành, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Năm, Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 30/2020/TLST-HS ngày 28 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 693/2020/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Trịnh Quang A, tên gọi khác: Bim; sinh ngày 30 tháng 3 năm 1994 tại TP. Hà Nội; nơi đăng ký HKTT: xóm G, phường Th, quận H, TP. Hà Nội; nơi cư trú: khối B3, Chung cư Kh, khu dân cư E, xã Ph, huyện B, TP. Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn Q và bà Nguyễn Thanh H; anh chị em ruột: có 03 người, Anh là con thứ hai trong gia đình; có vợ Nguyễn Thị Thảo M, sinh năm 1997; hiện sinh sống tại xã Ph, huyện B, TP. Hồ Chí Minh; có 02 người con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/4/2020 đến ngày 19/6/2020 thì được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh, cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Thái H; tên gọi khác: Không; sinh ngày 02 tháng 8 năm 1990 tại TP. Hà Nội; nơi cư trú: đường Ng, phường Q, thị xã S, TP. Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thái H1 và bà Nguyễn Thị Y; anh chị em ruột: có 02 người, Hoàng là con thứ hai trong gia đình; có vợ Nguyễn Thị Thy, sinh năm 1996; hiện sinh sống tại phường Q, thị xã S, TP. Hà Nội; có 01 con: Nguyễn Hoàng V, sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 05/9/2019, bị Công an thành phố Đồng Hới xử phạt vi phạm hành chính về hành vi gây mất trật tự ở nơi công cộng; ngày 23/10/2019, bị Công an phường Đô Vinh, TP Phan Rang -

Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xử phạt vi phạm hành chính về hành vi phát tờ rơi quảng cáo, ảnh hưởng đến trật tự mỹ quan.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/3/2020 đến ngày 04/6/2020 thì được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh, cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Anh Đ; địa chỉ: xóm V, phường N, thành phố B, tỉnh B, vắng mặt.
2. Nguyễn Vũ L; địa chỉ: đường Q, thị xã S, thành phố Hà Nội, hiện đang bị tạm giam theo 01 vụ án khác tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.
3. Nguyễn Thị Hồng C; địa chỉ: tổ dân phố A, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.
4. Đoàn Thị Linh Gi; địa chỉ: tổ dân phố B, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.
5. Lê Thị Y; địa chỉ: tổ dân phố C, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.
6. Nguyễn Văn H2; địa chỉ: thôn H, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.
7. Nguyễn Thị Nh; địa chỉ: thôn N, xã Nh, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.
8. Trần Thị H3; địa chỉ: đường Q, phường Đ, thành phố Đ, vắng mặt.
9. Phạm Thị Ng, địa chỉ: tổ dân phố D, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.
10. Nguyễn Văn Đ, địa chỉ: ấp 1, xã T, huyện C, tỉnh L, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 10/2018, Trịnh Quang A gặp Nguyễn Thái H và thống nhất sẽ cung cấp tiền để Nguyễn Thái H đến tỉnh Quảng Bình hoạt động cho vay lãi nặng. Nguyễn Thái H rủ Nguyễn Anh Đ, sinh năm 1993, trú tại phường N, thành phố B, tỉnh B; Nguyễn Vũ L, sinh năm 1997 trú tại phường Q, thị xã S, thành phố Hà Nội cùng tham gia hoạt động cho vay lãi nặng. Đến tháng 5/2019, Trần Tuấn L1, sinh năm 2000, trú tại thị trấn H, huyện H, tỉnh L cùng tham gia. Nguyễn Thái H thuê nhà để cả nhóm ở chung và đăng ký tạm trú tại thôn M, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, làm tờ rơi có số điện thoại 0988.950.550 để người có nhu cầu vay liên

lạc, nội dung cho vay trả góp không thể chấp tài sản, thủ tục nhanh chóng, thuận tiện. Khi người vay có nhu cầu vay tiền, các bị cáo đến xem nhà để biết chỗ ở, kiểm tra Chứng minh nhân dân và sổ Hộ khẩu gốc rồi yêu cầu người vay phô tô để giữ lại, đồng thời thống nhất số tiền vay, lãi suất vay, cách thức, thời gian trả tiền gốc, tiền lãi và tiền phí dịch vụ. Người vay có thể vay nhiều gói, số tiền vay và thời gian trả, thời gian đáo hạn khác nhau.

Hoạt động cho vay lãi nặng của Trịnh Quang A và Nguyễn Thái H được thực hiện cụ thể như sau:

I. Hành vi phạm tội của Trịnh Quang A

Trong thời gian từ tháng 10/2018 đến tháng 10/2019, Trịnh Quang A cung cấp tiền và chỉ đạo nhóm Nguyễn Thái H, Nguyễn Anh Đ và Nguyễn Vũ L vào địa bàn tỉnh Quảng Bình hoạt động cho vay lãi nặng. A sử dụng hai tài khoản số: 020019194222 và 060115701560 mở tại Ngân hàng Sacombank để chuyển số tiền 408.000.000 đồng cho Nguyễn Thái H qua tài khoản số 040074266519 mở tại Ngân hàng Sacombank để thực hiện hành vi cho vay lãi nặng. Nguyễn Thái H, Nguyễn Anh Đ và Nguyễn Vũ L đã cho 35 người tại địa bàn tỉnh Quảng Bình vay lãi nặng, thu lợi bất chính tổng số tiền **244.366.933 đồng**.

Ngoài ra, quá trình điều tra Trịnh Quang A khai nhận đã cung cấp nguồn tiền cho Phạm Đức A, sinh năm 1993, trú tại phường Ng, quận H, thành phố Hà Nội để hoạt động cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự tại huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình. Hiện Phạm Đức A đã bị Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy xét xử về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, quy định tại Điều 201 Bộ luật Hình sự.

II. Hành vi phạm tội của Nguyễn Thái Hoàng:

- Từ tháng 10/2018 đến tháng 6/2019, Nguyễn Thái H đã trực tiếp cho 7 người vay tiền với 28 gói vay, tổng số tiền cho vay là 250.000.000 đồng, mức lãi suất từ 205%/năm đến 365%/năm, cao gấp 10,25 lần đến 18,25 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tổng số tiền H đã thu là 310.700.000 đồng, trong đó tiền lãi là 62.300.000 đồng (tiền lãi được phép thu theo quy định của Bộ luật dân sự (20%) là 4.800.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 57.500.000 đồng) và tổng số tiền phí dịch vụ H thu của người vay là 18.000.000 đồng. Cụ thể:

1. Chị Nguyễn Thị Hồng C sinh năm 1963, trú tại tổ dân phố A, phường Đ, TP Đ, từ tháng 10/2018 đến tháng 01/2019 đã vay của Nguyễn Thái H 07 gói, trong đó có 04 gói vay mỗi gói 5.000.000 đồng, trả tiền gốc và lãi 200.000đ/ngày, thời gian vay 31 ngày, tương ứng lãi suất 283%/năm, cao gấp 14,15 lần so với quy định của Bộ luật dân sự. Số tiền chị C đã trả cho Hoàng cả gốc và lãi là 24.800.000 đồng, trong đó tiền gốc là 20.000.000 đồng, tiền lãi H được hưởng theo quy định (20%) là:

$(5.000.000đ \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 31 \text{ ngày}) \times 04 \text{ gói} = 339.726 \text{ đồng}$, số tiền H thu lợi bất chính là: $4.800.000 \text{ đồng} - 339.726 \text{ đồng} = 4.460.274 \text{ đồng}$.

Có 03 gói vay mỗi gói 10.000.000 đồng, trả tiền gốc và lãi 500.000đ/ngày, thời gian vay 25 ngày, tương ứng lãi suất 365%/năm, cao gấp 18,25 lần so với quy định của Bộ luật dân sự. Chị C đã trả hết hai gói vay, còn gói cuối mới trả được 21 ngày. Số tiền chị C đã trả cho H cả gốc và lãi là 35.500.000 đồng, trong đó tiền gốc là 28.400.000 đồng, tiền lãi H được hưởng theo quy định (20%) đối với hai gói chị C đã trả xong là: $(10.000.000đ \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 25 \text{ ngày}) \times 02 \text{ gói} = 273.972 \text{ đồng}$ và gói cuối chị C trả được 21 ngày là: $10.000.000đ \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 21 \text{ ngày} = 115.068 \text{ đồng}$, số tiền H thu lợi bất chính là: $7.100.000 \text{ đồng} - (273.972 \text{ đồng} + 115.068 \text{ đồng}) = 6.710.959 \text{ đồng}$. Tổng số tiền H thu lợi bất chính của 07 gói vay là: $4.460.274 \text{ đồng} + 6.710.959 \text{ đồng} = \mathbf{11.171.233 \text{ đồng}}$. Số tiền gốc chị C chưa trả cho H là 1.600.000 đồng. Trong 07 gói vay trên có 04 gói vay 5.000.000 đồng cứ mỗi gói H thu tiền phí dịch vụ số tiền 500.000 đồng và 03 gói vay 10.000.000 đồng mỗi gói H thu tiền dịch vụ số tiền 1.000.000 đồng, tổng số tiền phí H thu chị C là 5.000.000 đồng.

2. Chị Đoàn Thị Linh Gi, sinh năm 1971, trú tại tổ dân phố B, phường Đ, TP. Đ, từ tháng 10/2018 đến tháng 12/2018 đã vay Nguyễn Thái H 03 gói, mỗi gói 5.000.000 đồng, trả tiền gốc và lãi 200.000đ/ngày, thời gian vay 30 ngày, tương ứng lãi suất 243%/năm, cao gấp 12,15 lần so với quy định của Bộ luật dân sự. Số tiền chị Gi đã trả cho H cả gốc và lãi là 18.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 15.000.000 đồng, tiền lãi H được hưởng theo quy định (20%) là: $(5.000.000đ \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 30 \text{ ngày}) \times 03 \text{ gói} = 246.575 \text{ đồng}$, số tiền H thu lợi bất chính là: $3.000.000 \text{ đồng} - 246.575 \text{ đồng} = \mathbf{2.753.425 \text{ đồng}}$. Trong 03 gói vay trên H thu tiền phí dịch vụ chị Gi là 1.500.000 đồng.

3. Chị Lê Thị Y, sinh năm 1967, trú tại tổ dân phố C, phường Đ, TP Đ, từ tháng 10/2018 đã vay Nguyễn Thái H 05 gói, mỗi gói 5.000.000 đồng, trả tiền gốc và lãi 200.000đ/ngày, thời gian vay 32 ngày, tương ứng lãi suất 319%/năm, cao gấp 15,95 lần so với quy định của Bộ luật dân sự. Số tiền chị Y đã trả cho H cả gốc và lãi là 32.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 25.000.000 đồng, tiền lãi H được hưởng theo quy định (20%) là: $(5.000.000đ \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 32 \text{ ngày}) \times 05 \text{ gói} = 438.355 \text{ đồng}$, số tiền H thu lợi bất chính là: $7.000.000 \text{ đồng} - 438.355 \text{ đồng} = \mathbf{6.561.645 \text{ đồng}}$. Trong gói vay đầu H thu tiền phí dịch vụ chị Y là 500.000 đồng.

4. Anh Nguyễn Văn H2, sinh năm 1973, trú tại thôn H, xã L, TP Đ, từ tháng 4/2019 đến tháng 6/2019, đã vay Nguyễn Thái H 03 gói, mỗi gói 10.000.000 đồng, trả tiền gốc và lãi 300.000đ/ngày, thời gian vay 41 ngày, tương ứng lãi suất 205%/năm cao gấp 10,25 lần so với quy định của Bộ luật dân sự. Số tiền anh H2 đã trả cho H cả gốc và lãi là 36.900.000 đồng, trong đó tiền gốc là 30.000.000 đồng, tiền

lãi H được hưởng theo quy định (20%) là: $(10.000.000đ \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 41 \text{ ngày}) \times 03 \text{ gói} = 673.973 \text{ đồng}$, số tiền H thu lợi bất chính là: $6.900.000 \text{ đồng} - 673.973 \text{ đồng} = \mathbf{6.226.027 \text{ đồng}}$. Trong gói vay đầu H thu tiền phí dịch vụ anh H2 là 1.000.000 đồng.

5. Chị Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1961, trú tại thôn N, xã Nh, huyện B, từ tháng 02/2019 đến tháng 6/2019, đã vay Nguyễn Thái H 03 gói, mỗi gói 10.000.000 đồng, trả tiền gốc và lãi 500.000đ/ngày, thời gian vay 25 ngày, tương ứng lãi suất 365%/năm cao gấp 18,25 lần so với quy định của Bộ luật dân sự. Số tiền chị Nh đã trả cho H cả gốc và lãi là 37.500.000 đồng, trong đó tiền gốc là 30.000.000 đồng, tiền lãi H được hưởng theo quy định (20%) là: $(10.000.000đ \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 25 \text{ ngày}) \times 03 \text{ gói} = 410.959 \text{ đồng}$, số tiền H thu lợi bất chính là: $7.500.000 \text{ đồng} - 410.959 \text{ đồng} = \mathbf{7.089.041 \text{ đồng}}$.

6. Chị Trần Thị H3, sinh năm 1965, trú tại đường Q, phường Đ, TP Đ, từ cuối năm 2018, đã vay Nguyễn Thái H 04 gói, mỗi gói 10.000.000 đồng, trả tiền gốc và lãi 300.000đ/ngày, thời gian vay 42 ngày, tương ứng lãi suất 226%/năm cao gấp 11,3 lần so với quy định của Bộ luật dân sự. Số tiền chị H3 đã trả cho H cả gốc và lãi là 50.400.000 đồng, trong đó tiền gốc là 40.000.000 đồng, tiền lãi H được hưởng theo quy định (20%) là: $(10.000.000đ \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 42 \text{ ngày}) \times 04 \text{ gói} = 920.548 \text{ đồng}$, số tiền H thu lợi bất chính là: $10.400.000 \text{ đồng} - 920.548 \text{ đồng} = \mathbf{9.479.452 \text{ đồng}}$. Trong 04 gói vay trên H thu tiền phí dịch vụ chị H3 là 4.000.000 đồng.

7. Chị Phạm Thị Ng, sinh năm 1971, trú tại tổ dân phố D, phường B, TP Đ, từ tháng 02/2019, đã vay Nguyễn Thái H 03 gói, mỗi gói 20.000.000 đồng, trả tiền gốc và lãi 600.000đ/ngày, thời gian vay 42 ngày, tương ứng lãi suất 226%/năm, cao gấp 11,3 lần so với quy định của Bộ luật dân sự. Số tiền chị Ng đã trả cho H cả gốc và lãi là 75.600.000 đồng, trong đó tiền gốc là 60.000.000 đồng, tiền lãi H được hưởng theo quy định (20%) là: $(20.000.000đ \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 42 \text{ ngày}) \times 03 \text{ gói} = 1.380.822 \text{ đồng}$, số tiền H thu lợi bất chính là: $15.600.000 \text{ đồng} - 1.380.822 \text{ đồng} = \mathbf{14.219.178 \text{ đồng}}$. Trong 03 gói vay trên H đều thu tiền phí dịch vụ chị Ng là 6.000.000 đồng.

- Nguyễn Thái H đã giao tiền và chỉ đạo Nguyễn Anh Đ, Nguyễn Vũ L cho 28 người trên địa bàn tỉnh Quảng Bình vay tiền, với tổng số tiền gốc 903.000.000 đồng, lãi suất các gói vay từ 180%/năm đến 524%/năm, thu lợi bất chính tổng số tiền $\mathbf{186.866.933 \text{ đồng}}$.

Đến khoảng tháng 6/2019, Nguyễn Thái H theo sự chỉ đạo của Trịnh Quang A rời khỏi địa bàn tỉnh Quảng Bình, giao Nguyễn Vũ L quản lý tiền thu chi liên quan đến hoạt động cho vay lãi nặng. Quá trình này Nguyễn Vũ L đã chuyển khoản với tổng số tiền 163.428.000 đồng có được từ hoạt động cho vay lãi nặng cho Nguyễn Thái H.

Vì vậy, Nguyễn Thái H phải chịu trách nhiệm chung về số tiền thu lợi bất chính do Nguyễn Anh Đ và Nguyễn Vũ L thu được. Tổng số tiền thu lợi bất chính Nguyễn Thái H phải chịu trách nhiệm hình sự là: 57.500.000 đồng + 186.866.933 đồng + số tiền phí dịch vụ H thu từ 07 người vay tiền 18.000.000 đồng = **262.366.933** đồng.

Hành vi phạm tội của Nguyễn Anh Đ và Nguyễn Vũ L đã được Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử tại Bản án số 15 ngày 16/6/2020.

Đối với Trần Tuấn L, sinh năm 2000, trú tại Khu phố C, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, quá trình điều tra xác định từ tháng 05/2019, L cùng tham gia hoạt động cho vay dưới sự chỉ đạo của Nguyễn Thái H được một thời gian thì rời khỏi tỉnh Quảng Bình không rõ đi đâu, làm gì. Quá trình điều tra, xác minh tại chỗ ở, xác định Trần Tuấn L đã bỏ đi khỏi nơi cư trú, đi đâu không rõ địa chỉ, không liên lạc được. Hiện chưa xác định được rõ vai trò của Trần Tuấn L cũng như những người đã trực tiếp vay tiền từ L. Cơ quan điều tra đang tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ, khi xác minh làm rõ sẽ xử lý theo quy định pháp luật.

Quá trình điều tra, bị cáo Trịnh Quang A và gia đình đã nộp lại số tiền 60.000.000 đồng; bị cáo Nguyễn Thái H đã nộp lại số tiền 20.000.000 đồng để khắc phục hậu quả.

Về vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra đã tạm giữ số vật chứng sau:

- 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 7, màu đen, số IMEI: 353836087512356, gắn sim số thuê bao 0945.555.555;
- 01 (một) Tập sao kê giao dịch ngân hàng Sacombank, số tài khoản: 060115701560, chủ tài khoản mang tên: Trịnh Quang A, thời gian từ ngày 30/9/2018 đến ngày 28/02/2019;
- 01 (một) Tập sao kê giao dịch ngân hàng Sacombank, số tài khoản: 060115701560, chủ tài khoản mang tên: Trịnh Quang A, thời gian từ ngày 30/3/2019 đến ngày 28/8/2019;
- 01 (một) Tập sao kê giao dịch ngân hàng Sacombank, số tài khoản: 020019194222, chủ tài khoản mang tên: Trịnh Quang A, thời gian từ ngày 31/3/2019 đến ngày 28/8/2019;
- 01 (một) Tập sao kê giao dịch ngân hàng Sacombank, số tài khoản: 020019194222, chủ tài khoản mang tên: Trịnh Quang A, thời gian từ ngày 30/9/2018 đến ngày 28/02/2019;
- 01 (một) thẻ ATM của ngân hàng VPBANK, mang tên TRINH QUANG A;
- Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 80.000.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 429/VKS-P3 ngày 27 tháng 7 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình đã truy tố: Trịnh Quang A và Nguyễn Thái H về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu lời luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: tuyên bố các bị

cáo Trịnh Quang A và Nguyễn Thái H phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"; áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Trịnh Quang A từ 06 - 09 tháng tù và xử phạt Nguyễn Thái H từ 06 - 09 tháng tù; miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo; buộc bị cáo A và bị cáo H liên đới trả lại cho những người liên quan số tiền thu lợi bất chính 57.500.000 đồng; buộc bị cáo H trả lại số tiền phí dịch vụ 18.000.000 đồng cho những người liên quan; tịch thu sung công quỹ nhà nước tại bị cáo A và bị cáo H số tiền gốc 248.400.000 đồng và tiền lãi 4.800.000 đồng; tịch thu sung quỹ nhà nước của bị cáo A 01 điện thoại di động Iphone 7; trả lại cho bị cáo A 01 thẻ ATM.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như phát biểu luận tội của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định của cơ quan Điều tra Công an tỉnh Quảng Bình, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đầy đủ về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về sự vắng mặt của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan lần thứ hai, Hội đồng xét xử thấy không ảnh hưởng đến việc xét xử, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo: tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay các bị cáo Trịnh Quang A và Nguyễn Thái H khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ, phù hợp cả về mặt thời gian và địa điểm phạm tội, cụ thể: Từ tháng 10/2018 đến tháng 10/2019, Trịnh Quang A là người cung cấp nguồn tiền và chỉ đạo nhóm Nguyễn Thái H, Nguyễn Vũ L, Nguyễn Anh Đ hoạt động cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự tại địa bàn tỉnh Quảng Bình, A sử dụng hai tài khoản số 020019199222 và 060115701560 mở tại Ngân hàng Sacombank để chuyển số tiền 408.000.000 đồng cho Nguyễn Thái H nhằm thực hiện hành vi cho vay lãi nặng và H đã trực tiếp cho 7 người vay tiền với 28 gói vay tổng số tiền cho vay 250.000.000 đồng mức lãi suất từ 205%/năm đến 365%/năm cao gấp 10,25 lần đến 18,25 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tổng số tiền H đã thu 310.700.000 đồng, trong đó: tiền lãi là 62.300.000 đồng (tiền lãi được phép thu theo quy định của Bộ luật Dân sự 20% là 4.800.000 đồng, thu lợi bất chính **57.500.000** đồng) và tiền phí dịch vụ 18.000.000 đồng; ngoài ra H chỉ đạo Nguyễn Anh Đ, Nguyễn Vũ L cho 28 người vay tiền, với tổng số tiền gốc 903.000.000 đồng, lãi suất các gói vay từ 180%/năm đến 524%/năm, thu lợi bất chính tổng số tiền **186.866.933** đồng, Tổng cộng số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo A và bị cáo H phải chịu trách nhiệm hình sự là **262.366.933 đồng**.

Hành vi nêu trên của Trịnh Quang A và Nguyễn Thái H đã cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự đúng như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình đã truy tố.

[3] Đánh giá tính chất mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã không những trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng mà còn làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo đã lợi dụng hoàn cảnh khó khăn của người dân cần tiền để cho vay với lãi suất cao hơn từ 205%/năm đến 365%/năm, có gói vay lãi suất từ 180%/năm đến 524%/năm so với mức lãi suất quy định của Bộ luật Dân sự nhằm thu lợi bất chính. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm, trong đó Trịnh Quang A là người trực tiếp cung cấp tiền và chỉ đạo Nguyễn Thái H thực hiện hành vi cho vay lãi nặng nên bị cáo A phải chịu trách nhiệm chính; đối với Nguyễn Thái H thực hiện với vai trò là người quản lý vừa là người thực hành tích cực nên hành vi của bị cáo không kém gì bị cáo A.

Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng; có các tình tiết giảm nhẹ là: các bị cáo Trịnh Quang A và Nguyễn Thái H đã tự nguyện nộp tiền khắc phục một phần hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, nên cần áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp, tuy nhiên xét thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng, chống tội phạm.

Về hình phạt bổ sung: các bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo.

Về biện pháp tư pháp: Đối với bị cáo Nguyễn Thái H thực hiện chỉ đạo của bị cáo Trịnh Quang A đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng và đã thu lại tổng số tiền gốc là 248.400.000 đồng, tiền lãi được phép thu 4.800.000 đồng, đây là phương tiện, công cụ phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước, buộc hai bị cáo cùng chịu trách nhiệm nộp lại, theo phần mỗi bị cáo phải nộp 126.600.000 đồng; số tiền gốc bà Nguyễn Thị Hồng C vay chưa trả là 1.600.000 đồng nên buộc bà C nộp lại để sung quỹ Nhà nước;

Riêng số tiền các bị cáo thu lãi vượt quá 57.500.000 đồng cần buộc bị cáo H và bị cáo A liên đới trả lại cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, cụ thể: trả cho Nguyễn Thị Hồng C: 11.171.233 đồng, trả cho Đoàn Thị Linh Gi: 2.753.425 đồng, trả

cho Lê Thị Y: 6.561.645 đồng, trả cho Nguyễn Văn H2: 6.226.027 đồng, trả cho Nguyễn Thị Nh: 7.089.041 đồng, trả cho Trần Thị H3: 9.479.452 đồng, trả cho Phạm Thị Ng: 14.219.178 đồng.

Về số tiền bị cáo H thu phí dịch vụ 18.000.000 đồng, bị cáo A không biết nên cần buộc bị cáo H trả lại cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, cụ thể: trả cho Nguyễn Thị Hồng C: 5.000.000 đồng, trả cho Đoàn Thị Linh Gi: 1.500.000 đồng, trả cho Lê Thị Y: 500.000 đồng phí, trả cho Nguyễn Văn H2: 1.000.000 đồng, trả cho Trần Thị H3: 4.000.000 đồng, trả cho Phạm Thị Ng: 6.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: - 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 7, màu đen, số IMEI: 353836087512356, gắn sim số thuê bao 0945.555.555 bị cáo A dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước;

- 01 (một) tập sao kê giao dịch ngân hàng Sacombank, số tài khoản: 060115701560, chủ tài khoản mang tên: Trịnh Quang A, thời gian từ ngày 30/9/2018 đến ngày 28/02/2019; 01 (một) tập sao kê giao dịch ngân hàng Sacombank, số tài khoản: 060115701560, chủ tài khoản mang tên: Trịnh Quang A, thời gian từ ngày 30/3/2019 đến ngày 28/8/2019; 01 (một) tập sao kê giao dịch ngân hàng Sacombank, số tài khoản: 020019194222, chủ tài khoản mang tên: Trịnh Quang A, thời gian từ ngày 31/3/2019 đến ngày 28/8/2019; 01 (một) tập sao kê giao dịch ngân hàng Sacombank, số tài khoản: 020019194222, chủ tài khoản mang tên: Trịnh Quang A, thời gian từ ngày 30/9/2018 đến ngày 28/02/2019; tất cả các tập sao kê ở trên là tài liệu đã đánh số bút lục có ý nghĩa chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo nên được lưu giữ tại hồ sơ;

- 01 (một) thẻ ATM của ngân hàng VPBANK, mang tên TRINH QUANG A đính kèm hồ sơ vụ án, cần trả lại cho bị cáo A (đã trả tại phiên tòa);

- Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 80.000.000 đồng (trong đó của bị cáo A và gia đình nộp 60.000.000 đồng và bị cáo H 20.000.000 đồng) theo phiếu ủy nhiệm chi ngày 03/8/2020 từ Phòng cảnh sát Thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp Công an tỉnh Quảng Bình đến Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình, cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Trịnh Quang A và Nguyễn Thái H đã phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"

2. Áp dụng khoản 2 Điều 201, các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự,

- Xử phạt: Trịnh Quang A 05 (năm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án nhưng được trừ thời hạn bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/4/2020 đến ngày 19/6/2020.

- Xử phạt: Nguyễn Thái H 05 (năm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án nhưng được trừ thời hạn bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/3/2020 đến ngày 04/6/2020.

3. Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

4. Về biện pháp tư pháp: áp dụng các điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước tại Trịnh Quang A số tiền 126.600.000 đồng và tại Nguyễn Thái H số tiền 126.600.000 đồng mà các bị cáo dùng để cho vay;

- Buộc bà Nguyễn Thị Hồng C nộp lại số tiền gốc mà bị cáo H cho vay chưa trả 1.600.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

5. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự và các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự;

- Buộc bị cáo H và bị cáo A chịu trách nhiệm liên đới trả lại cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan số tiền 57.500.000 đồng do thu lãi vượt quá, cụ thể: trả cho Nguyễn Thị Hồng C: 11.171.233 đồng; trả cho Đoàn Thị Linh Gi: 2.753.425 đồng; trả cho Lê Thị Y: 6.561.645 đồng; trả cho Nguyễn Văn H2: 6.226.027 đồng; trả cho Nguyễn Thị Nh: 7.089.041 đồng; trả cho Trần Thị H3: 9.479.452 đồng; trả cho Phạm Thị Ng: 14.219.178 đồng.

- Buộc bị cáo H chịu trách nhiệm trả lại số tiền phí dịch vụ 18.000.000 đồng cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, cụ thể: trả cho Nguyễn Thị Hồng C: 5.000.000 đồng; trả cho Đoàn Thị Linh Gi: 1.500.000 đồng; trả cho Lê Thị Y: 500.000 đồng; trả cho Nguyễn Văn H2: 1.000.000 đồng; trả cho Trần Thị H3: 4.000.000 đồng; trả cho Phạm Thị Ng: 6.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

6. Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động của bị cáo A, nhãn hiệu Iphone 7, màu đen, số IMEI: 353836087512356, gắn sim số thuê bao 0945.555.555;

- Tiếp tục tạm giữ số tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 80.000.000 đồng (trong đó của bị cáo A và gia đình nộp 60.000.000 đồng và bị cáo H 20.000.000 đồng) để đảm bảo thi hành án.

- Lưu giữ tại hồ sơ vụ án gồm: 01 (một) tập sao kê giao dịch ngân hàng Sacombank, số tài khoản: 060115701560, chủ tài khoản mang tên: Trịnh Quang A, thời gian từ ngày 30/9/2018 đến ngày 28/02/2019; 01 (một) tập sao kê giao dịch ngân hàng Sacombank, số tài khoản: 060115701560, chủ tài khoản mang tên: Trịnh Quang A, thời gian từ ngày 30/3/2019 đến ngày 28/8/2019; 01 (một) tập sao kê giao dịch

ngân hàng Sacombank, số tài khoản: 020019194222, chủ tài khoản mang tên: Trịnh Quang A, thời gian từ ngày 31/3/2019 đến ngày 28/8/2019; 01 (một) tập sao kê giao dịch ngân hàng Sacombank, số tài khoản: 020019194222, chủ tài khoản mang tên: Trịnh Quang A, thời gian từ ngày 30/9/2018 đến ngày 28/02/2019;

- Trả lại cho bị cáo Anh 01 (một) thẻ ATM của ngân hàng VPBANK, mang tên TRINH QUANG A (đã trả tại phiên tòa);

7. Về án phí: áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Bị cáo A phải chịu nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.437.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm;

Bị cáo H phải chịu nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.337.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- Phòng HSNVCS - CA Q. Bình;
- Cơ quan CSĐT CA Q. Bình;
- Cục THADS Quảng Bình;
- Vụ GDKT I TANDTC;
- Phòng KTNV - THAHS TAND tỉnh;
- Sở Tư pháp Quảng Bình;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, Tòa HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thái Sơn